

Tân Minh, ngày tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH
Giáo dục nhà trường năm học 2025-2026

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Luật giáo dục số 43/2019/QH14, ngày 14/6/2019 của Quốc hội ban hành luật giáo dục;

Căn cứ Nghị định 24/2021-NĐCP, ngày 23/3/2021 Quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ban hành Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT);

Căn cứ Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;

Căn cứ Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học;

Căn cứ Công văn 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;

Căn cứ Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục địa phương cấp Tiểu học;

Căn cứ Công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2020 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn tổ chức dạy học môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018;

Căn cứ Công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023 của Bộ GD&ĐT về việc Hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong giáo dục Tiểu học;

Căn cứ Thông tư 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024 của Bộ GD&ĐT việc Hướng dẫn lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;

Căn cứ Quyết định số 3348/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026

đôi với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Công văn số 5954/SGDDĐT-GDMN&GDTH ngày 26/8/2025 của Sở GD&ĐT Hải Phòng về Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025-2026;

Căn cứ kết quả đạt được trong năm học 2024-2025 và tình hình thực tế của nhà trường và địa phương,

Trường Tiểu học Kiến Thiết xây dựng Kế hoạch Giáo dục nhà trường năm học 2025-2026, cụ thể như sau:

II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2025-2026

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

1.1. Thời cơ

- Năm học 2025-2026 là năm học tiếp tục triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

- Đảng và nhà nước coi giáo dục là quốc sách hàng đầu và có nhiều chính sách ưu tiên phát triển giáo dục. Có các chủ trương đúng đắn, phù hợp với giáo dục trong giai đoạn hiện nay. Các cấp lãnh đạo đã ban hành hệ thống văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, kịp thời, cụ thể.

- Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được xây dựng theo hướng mở, đảm bảo định hướng thống nhất và những nội dung giáo dục cốt lõi bắt buộc đối với học sinh toàn quốc, đồng thời trao quyền chủ động và trách nhiệm cho địa phương, nhà trường trong việc lựa chọn, bổ sung một số nội dung giáo dục và triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với đối tượng giáo dục và điều kiện của địa phương, của nhà trường, góp phần đảm bảo kết nối hoạt động của nhà trường và gia đình, chính quyền và xã hội.

- Đi đôi với phát triển kinh tế, lĩnh vực văn hóa - xã hội cũng có nhiều khởi sắc. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện, các vấn đề xã hội được quan tâm giải quyết kịp thời. Công tác giáo dục đào tạo tiếp tục được duy trì với kết quả toàn diện ở các cấp học, ngành học, số lượng, chất lượng đội ngũ giáo viên giỏi, học sinh giỏi ở các cấp học ngày càng tăng. Quy mô trường lớp cơ bản ổn định; chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên ngày càng được nâng cao.

- Nhà trường được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, chính quyền và nhân dân xã Tân Minh, Ban đại diện Cha mẹ học sinh.

- Đảng, chính quyền và nhân dân phường xã Tân Minh hết sức quan tâm đến công tác giáo dục. Các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, chăm sóc, bảo vệ, giáo dục trẻ em, chăm lo cho các đối tượng chính sách - xã hội luôn được quan tâm, chỉ đạo.

- Việc sử dụng công nghệ thông tin tại xã Tân Minh được phát triển mạnh, giúp cho mọi tầng lớp nhân dân nắm bắt được thông tin về giáo dục nhanh, từ đó có sự thấu hiểu và chia sẻ đối với nhà trường trong quá trình triển khai nhiệm vụ dạy học và giáo dục.

- Thông tin hai chiều của giáo viên và học sinh luôn được duy trì tốt tạo điều kiện cho phụ huynh thực hiện tốt công tác phối hợp.

- Hệ thống chính trị của phường luôn ổn định, nội bộ đoàn kết thống nhất, các phong trào của địa phương được duy trì, phát triển tốt.

- Tình hình an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội ổn định, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện, các phong trào của địa phương được duy trì, phát triển tốt.

1.2. Thách thức

- Trong thời kỳ hội nhập và phát triển, yêu cầu đòi hỏi của xã hội và gia đình học sinh ngày càng cao về chất lượng giáo dục.

- Năm học 2025-2026 là năm học đầu tiên thực hiện mô hình hoạt động chính quyền địa phương 2 cấp, đòi hỏi nhà trường nhanh chóng thích ứng và phát triển trong tình hình mới.

- Việc dạy học phát triển năng lực người học là vấn đề cốt lõi của CT GDPT 2018 đối với các khối lớp đòi hỏi đồng bộ thầy cô giáo có nhận thức đúng và có sự thay đổi tích cực về phương pháp và hình thức dạy học. Vấn đề bồi dưỡng và nâng cao chất lượng đội ngũ là trở ngại đối với CBQL trong nhà trường.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2025-2026

2.1. Đặc điểm về học sinh

Học sinh	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Tổng	Tỉ lệ
Số lớp	5	5	5	5	5	25	
Số HS	181	163	158	122	148	772	31HS/lớp
Số HS nữ	87	87	72	52	72	369	47.8%
HS khuyết tật	3	0	1	0	4	8	1%

HS hộ nghèo	0	0	1	0	0	0	0,1%
HS cận nghèo	3	0	1	2	0	6	0.78%
HS khó khăn	4	10	11	12	5	42	5.4%
HS mồ côi	1	1	2	2	4	10	1,3%
Số HS học 2buổi/ngày	181	163	158	122	148	772	100%
Số HS bán trú	132	115	106	67	64	484	62,7%
Số học sinh đúng độ tuổi	173	156	149	117	138	733	94,9%
Số HS lưu ban năm trước	5						0,65%
Số HS người dân tộc		1			1	2	0.25%

2.1.1. Thuận lợi

- Tập thể học sinh nhà trường ngoan, lễ phép, có ý thức kỷ luật tốt, thực hiện tốt các quy định của lớp, của trường.
- Chất lượng học sinh luôn ổn định.
- Học sinh tham gia có hiệu quả các kỳ giao lưu như Bơi, điền kinh....
- Nhà trường có không gian xanh, sạch, đẹp, hấp dẫn học sinh tham gia tìm các trò chơi, khám phá trong các giờ chơi, cuối buổi học.

2.1.2. Khó khăn

Có nhiều học sinh khuyết tật, tăng động ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của lớp, vất vả cho giáo viên trực tiếp giảng dạy.

Số học sinh có hoàn cảnh khó khăn, mồ côi tương đối nhiều (*kinh tế khó khăn, bố mẹ ly hôn về ở với ông bà...*), nên sự quan tâm của cha mẹ học sinh đến công tác giáo dục còn hạn chế.

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

2.2.1. Tình hình chung

Đội ngũ	CBQL	Giáo viên	Nhân viên	Tổng	Tỉ lệ (Ghi chú)
Số lượng	03	40	04	47	Thiếu 01 NV so với chỉ tiêu được giao
Nữ	02	37	02	41	87,2%
Trình độ (Đại học)	03	39	02	44	Đạt chuẩn 97,5%
Tỉ lệ GV/lớp		40/25			1,6 GV/lớp

2.2.2. Thuận lợi

- Cán bộ quản lý của trường gồm 3 đồng chí có trình độ Đại học, trình độ trung cấp lý luận chính trị, luôn tâm huyết, năng động, gương mẫu, dám nghĩ dám làm và dám chịu trách nhiệm trong công việc.

- Ban giám hiệu nhà trường luôn đặt mục tiêu hoạt động dạy học và giáo dục học sinh là mục tiêu trọng điểm trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học. Các giải pháp về công tác xây dựng đội ngũ, các giải pháp về công tác giáo dục học sinh luôn được nhà trường đầu tư nghiên cứu và thực hiện có hiệu quả cao.

- Đội ngũ giáo viên của nhà trường luôn đoàn kết thống nhất, say mê, tâm huyết với nghề, nghiệp vụ chuyên môn chắc chắn.

- 39/40 (97,5%) giáo viên đạt trình độ chuẩn. Đội ngũ giáo viên có tay nghề chắc chắn, khá đồng đều. 100% giáo viên có tinh thần tích cực tự học và tự rèn trong công tác chuyên môn. 100% giáo viên biết ứng dụng CNTT trong dạy học và đạt hiệu quả cao. 80% - 90% giáo viên trong nhà trường luôn có tinh thần sáng tạo và đổi mới trong dạy học. Nhiều giáo viên đạt kết quả cao trong các kì giao lưu GVG các cấp đối với các lĩnh vực trong nhà trường.

- 100% đội ngũ nhân viên nhà trường nhiệt tình, có trách nhiệm cao trong công việc, thực hiện đúng quy định của nhà trường, thực hiện nhiệm vụ được phân công bài bản, chuyên nghiệp và đạt hiệu quả cao.

- Công tác truyền thông trong nhà trường luôn được quan tâm và thực hiện triệt để mang lại hiệu quả thiết thực trong công tác giáo dục. 100% các buổi sáng tại nhà trường Câu lạc bộ phát thanh măng non của nhà trường luôn phát tin truyền thông các nội dung có ý nghĩa trong nhà trường. 100% tại các cuộc họp từ Cấp ủy cho bộ đến cuộc họp Hội đồng mọi chủ trương, kế hoạch hoạt động đều được nhà trường thông qua và xin ý kiến biểu quyết.

2.2.3. Khó khăn

- Đến thời điểm này, nhà trường đủ về số lượng giáo viên nhưng chưa có biên chế GV dạy Thể dục (GDTC).

- Trong đội ngũ giáo viên còn một số ít (từ 2 đến 4 giáo viên chiếm khoảng từ 5% đến 10%) giáo viên trong nhà trường còn chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác chủ nhiệm.

- Một số ít GV (3-5 đ/c) thực hiện nội dung ứng dụng CNTT và CDS còn đôi lúc đạt hiệu quả chưa cao.

2.3. Điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

2.3.1. Thuận lợi

- Tổng số phòng học: 25, trong đó 100% các phòng học được trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học hiện đại như ti vi, bảng trượt, máy soi, máy tính. điều hòa, kết nối internet.

- Tổng số các phòng chức năng: 08 (phòng Tin, phòng Âm nhạc, phòng Mỹ thuật, tiếng Anh). Các phòng được trang bị đầy đủ thiết bị dạy học phù hợp, hiệu quả.

- Khu bán trú được bố trí phù hợp, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo tốt cho học sinh ăn bán trú. 100% các phòng ăn và phòng ngủ được trang bị đầy đủ hệ thống quạt, điều hòa.

2.3.2. Khó khăn

- Hệ thống thoát nước sân trường CS1 chưa đảm bảo, mưa thoát nước chậm.

- Tường bao phía đông nhà trường chưa có ảnh hưởng đến an ninh, an toàn trường học.

- Khu nhà B CS2 xuống cấp, hệ thống cửa mỗi một, nền bong tróc.

- Thiếu trang thiết bị hiện đại cho các phòng chức năng.

- Dụng cụ TDDT còn chưa nhiều.

III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026

1. Mục tiêu chung

- Xây dựng trường Tiểu học Kiến Thiết là một ngôi trường Hạnh phúc, thân thiện, kỷ cương, bình đẳng. Chất lượng giáo dục toàn diện ngày càng nâng cao đáp ứng nhu cầu đổi mới và hội nhập của toàn xã hội.

- Xây dựng thương hiệu nhà trường đáp ứng sự tin tưởng của các cấp lãnh đạo và các bậc phụ huynh học sinh. Mục tiêu giáo dục của nhà trường là đem lại thật nhiều niềm vui và những điều tốt đẹp cho học sinh, tạo điều kiện để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập, được phát triển các năng lực và phẩm chất.

- Phân đấu trường đạt Trường chuẩn Quốc gia mức độ 2 giai đoạn 2026-2030.

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Công tác phổ cập

Huy động 100% trẻ 6 tuổi sinh năm 2019 vào lớp 1. Hạn chế học sinh lưu ban, không có học sinh bỏ học, duy trì và giữ vững PCGD TH- ĐĐT mức độ 3.

2.2. Chất lượng giáo dục

- Đánh giá HS theo thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 4/9/2020.

+ 100% số học sinh được đánh giá Đạt trở lên về Năng lực và Phẩm chất (Đánh giá Tốt trên 85%).

+ 99,5% HS được đánh giá hoàn thành các môn học và các hoạt động giáo dục (Hoàn thành xuất sắc: 33-37%; Hoàn thành tốt: 30-35%; Hoàn thành: 25-30%; Chưa hoàn thành 1%).

- 99,5% HS lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 hoàn thành chương trình lớp học.

- 100% HS lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học.

- Đảm bảo thực hiện giáo dục hòa nhập cho 8 học sinh khuyết tật có hồ sơ, 11 học sinh chậm phát triển, tăng động, khó khăn trong học tập, không tương tác với thầy cô,.

- Tổ chức đầy đủ các hoạt động trải nghiệm trong nhà trường, huy động 100% học sinh tham gia. Xây dựng kế hoạch hoạt động ngoài nhà trường theo chủ đề các khối lớp.

2.3. Chất lượng Học sinh có thành tích trong các kỳ giao lưu:

- Phân đấu 100 các lớp học sinh tham gia các kỳ Giao lưu.

- Có HS đạt giải cấp xã, TP.

+ Bơi, Karatedo, Cờ vua, điền kinh

+ Các cuộc thi qua mạng Internet....

+ Các cuộc thi năng khiếu: Sơn ca, đàn bầu, Mĩ thuật, Âm nhạ, tiếng Anh...

2.4. Về Khen thưởng học sinh

- Học sinh Xuất sắc: 33-37%

- Học sinh Tiêu biểu hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện: 30-35%.

- Đảm bảo thực hiện đầy đủ nội dung lồng ghép giáo dục địa phương, giáo dục Quốc phòng an ninh, ATGT, giáo dục Kỹ năng công dân số... đối với tất cả các khối lớp trong các môn học và HĐGD theo công văn hướng dẫn chỉ đạo của các cấp.

IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục (Phụ lục 1.1)

2. Thực hiện nội dung Giáo dục địa phương, Giáo dục STEM, Giáo dục kỹ năng công dân số.

2.1. Giáo dục địa phương

- Thực hiện theo đúng Công văn số 3063/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT; Công văn số 2138/SGDĐT-GDTH ngày 20/6/2022 của Sở GD&ĐT về triển khai nội dung Giáo dục địa phương đối với các khối lớp.

- Chỉ đạo giáo viên tiếp tục nghiên cứu, nắm vững nội dung, yêu cầu cần đạt của từng chủ đề theo tài liệu giáo dục địa phương của khối lớp. Rà soát, tích hợp từng chủ đề vào nội dung dạy học của môn học/HĐGD; trên cơ sở đó xác định cụ thể nội dung, phương pháp, hình thức tích hợp vào bài đó. Đưa nội dung tích hợp giáo dục địa phương trong dạy học các bài/môn cụ thể đó vào trong Kế hoạch dạy học các môn học và HĐGD của từng khối lớp. Thời lượng dành cho nội dung giáo dục địa phương nằm trong tổng thời lượng thực hiện chương trình Hoạt động trải nghiệm, được tích hợp trong các loại hình hoạt động chủ yếu: sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, hoạt động giáo dục theo hoạt động giáo dục theo chủ đề, hoạt động câu lạc bộ.

- Tổ chức dạy học mạch nội dung “Địa phương em” đối với lớp 4 đảm bảo đáp ứng yêu cầu cần đạt được quy định tại Chương trình môn Lịch sử và Địa lí lớp 4 trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Nội dung “Địa phương em” là yêu cầu bắt buộc, tương đương như mạch nội dung khác trong Chương trình môn Lịch sử và Địa lí lớp 4. Nội dung “Địa phương em” gồm 2 chủ đề “Thiên nhiên và con người địa phương” và “Lịch sử văn hoá truyền thống địa phương”. Thời lượng “Địa phương em” 6% trong tổng thời lượng là 70 tiết của Chương trình môn Lịch sử và Địa lí lớp 4.

- Đối với lớp 5: BGH định hướng đối với khối 5: Chủ động nghiên cứu, rà soát dựa theo định hướng gợi ý của các lớp 1,2,3,4 (đã có tài liệu tham khảo). Lựa chọn nội dung tích hợp GDĐP với tất cả các môn học và HĐGD trong chương trình một cách phù hợp.

+ Nội dung tích hợp được thể hiện rõ trong KHDH khối, KHBD và sổ BG của từng cá nhân. BGH nhà trường phê duyệt KHDH của các tổ khối trước khi thực hiện.

2.2. Triển khai Giáo dục STEM

- Căn cứ hướng dẫn của Bộ GD&ĐT tại Công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023, chỉ đạo đồng bộ 5 khối trong nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục STEM tích hợp, lồng ghép trong Kế hoạch dạy học các môn học và Hoạt động giáo dục.

+ Giáo viên chủ động, linh hoạt sử dụng nguồn học liệu tại địa chỉ <https://stemtieuhoc.edu.vn> và các tài liệu, nguồn học liệu khác theo quy định của Bộ GD-ĐT tại Thông tư số 21/2024/TT-BGDĐT ngày 07/7/2024

+ Triển khai dạy tích hợp Bài học Stem theo kế hoạch tối thiểu 01 giáo viên dạy từ 01- 02 bài/ học kì/ khối lớp, thực hiện vào chương trình các môn học và hoạt động giáo dục.

2.3. Thực hiện tích hợp Dạy học giáo dục kỹ năng công dân số

- Nhà trường lựa chọn hình thức Dạy học môn Tin học khối 3,4,5 và lồng ghép, tích hợp các môn học và HĐGD.

- Yêu cầu các tổ chuyên môn nghiên cứu kỹ công văn và tài liệu của Bộ giáo dục về nội dung giáo dục kỹ năng công dân số cấp tiểu học để thực hiện nội dung tích hợp trong các môn học và HĐGD.

- Nội dung nghiên cứu và lựa chọn tích hợp được thể hiện trong KHDH các môn học và HĐGD của các tổ chuyên môn (cột ghi chú trong Kế hoạch).

- BGH duyệt nội dung các tổ chuyên môn đề xuất lựa chọn. Thực hiện nội dung bổ sung và điều chỉnh kịp thời trước khi giáo viên thực hiện.

3. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

3.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học (Phụ lục 1.2)

3.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học (Phụ lục 1.3)

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2025 - 2026 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

-Thực hiện Công văn số 5954/SGDDĐT-GDMN&GDTH ngày 26/8/2024 của SGD&ĐT Hải Phòng v/v Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025-2026.

- Ngày tựu trường: Bắt đầu từ ngày 25/8/2025 đối với lớp 1. bắt đầu từ ngày 29/8/2025 đối với các lớp 2,3,4,5.

- Ngày khai giảng: 05/9/2025;

- Học kỳ I (18 tuần): Từ ngày 08/9/2025 đến ngày 09/01/2026;

- Học kỳ II (17 tuần): Từ ngày 12/01/2026 đến trước ngày 22/5/2026;

- Ngày kết thúc năm học: 30/5/2026;

- Xét công nhận hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh lớp 5 trước ngày 30/6/2026.

- Hoàn thành tuyển sinh lớp 1 trước ngày 31/7//2026.

*** Lịch sinh hoạt chuyên môn**

Tuần 1: Họp HĐSP

Tuần 2: SHCM tổ khối

Tuần 3: SHCM tổ khối

Tuần 4: Chuyên đề toàn trường

(Có thể bổ sung, điều chỉnh Lịch SHCM tùy theo tình hình thực tế).

*** Lịch nghỉ lễ**

Thực hiện theo các văn bản chỉ đạo của cấp trên về việc nghỉ Lễ, Tết.

Điều chỉnh các tiết học bù, chuyển đổi (vào các tuần trước hoặc sau đó, các buổi SHCM).

Các ngày nghỉ Lễ, Tết trong năm học 2025-2026 gồm:

CÁC NGÀY NGHỈ LỄ TRONG NĂM HỌC 2025-2026

STT	Ngày Lễ, Tết	Điều chỉnh kế hoạch môn học/HĐGD
HKI: 08/9/2025 đến trước 09/01/2026 (Tuần 1-18) HKII: 12/01/2026 đến trước 22/5/2026 (Tuần 19-35, trong đó nghỉ Tết ND 1 tuần)		
1	Kỉ niệm ngày NGVN 20-11 (thứ Năm)	- Dạy vào tiết bổ sung T-TV hoặc nghiên cứu chương trình dạy tích hợp, lồng ghép.
2	Tết Dương lịch (Thứ Năm 01/01/2026)	
3	Tết Nguyên Đán (Dự kiến nghỉ từ Hai 16/02/2026 đến hết 20/02/2026; HS đi học từ ngày 23/02(thứ Hai)	
4	Giỗ Tổ Hùng Vương 10/3 ÂL (CN 26/ 4/2026)	
5	Ngày Giải phóng MN-Thống nhất đất nước (Thứ Năm 30/4/2026) Ngày Quốc tế Lao động (Thứ Sáu 01/05/2026)	

4.1. Đối với khối lớp 1 (Phụ lục 1.4.1)

4.1.1. Số tiết: 32 tiết/tuần,

4.1.2. Khung thời gian cụ thể theo tuần

4.1.3. Số lượng tiết học các môn học và hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần)

4.2. Đối với khối lớp 2 (Phụ lục 1.4.2)

4.2.1. Số tiết: 32 tiết/tuần

4.2.2. Khung thời gian cụ thể theo tuần

4.2.3. Số lượng tiết học các môn học và hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần)

4.3. Đối với khối lớp 3 (Phụ lục 1.4.3)

4.3.1. Số tiết: 32 tiết/tuần

4.3.2. Khung thời gian cụ thể theo tuần

4.3.3. Số lượng tiết học các môn học và hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần)

4.4. Đối với khối lớp 4 (Phụ lục 1.4.4)

4.4.1. Số tiết: 32 tiết/tuần

4.4.2. Khung thời gian cụ thể theo tuần

4.4.3. Số lượng tiết học các môn học và hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần)

4.5. Đối với khối lớp 5 (Phụ lục 1.4.5)

4.5.1. Số tiết: 32 tiết/tuần

4.5.2. Khung thời gian cụ thể theo tuần

4.5.3. Số lượng tiết học các môn học và hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần)

*** Thời gian biểu hàng ngày**

Mùa hè

TIẾT	BUỔI SÁNG	BUỔI CHIỀU
Trông xếp hàng thể dục (buổi sáng)	7h10'	Từ 13h35'
1	Từ 7h20' – 8h00'	Từ 13h40' – 14h20'
2	Từ 8h00' – 8h40'	Từ 14h20' – 15h00'

<i>Giờ giải lao</i>	<i>Từ 8h40' – 9h00'</i>	<i>Từ 15h00' – 15h20'</i>
3	Từ 9h00' – 9h40'	Từ 15h20' – 16h00'
4	Từ 9h40' – 10h20'	Từ 16h00' – 16h40'

Mùa đông

TIẾT	BUỔI SÁNG	BUỔI CHIỀU
Trông xếp hàng thể dục (buổi sáng)	7h 20'	13h25'
1	Từ 7h30' – 8h10'	Từ 13h30' – 14h10'
2	Từ 8h10' – 8h50'	Từ 14h10' – 14h50'
<i>Giờ giải lao</i>	<i>Từ 8h50' – 9h10'</i>	<i>Từ 14h50' – 15h10'</i>
3	Từ 9h10' – 9h50'	Từ 15h10' – 15h50'
4	Từ 9h50' – 10h30'	Từ 15h50' – 16h30'

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường đáp ứng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Tăng cường cơ sở vật chất đáp ứng thực hiện chương trình giáo dục phổ thông đối với 5 khối, đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

+ Rà soát, tăng cường bảo dưỡng hệ thống cơ sở vật chất các phòng, đặc biệt quan tâm tới các phòng học. 100% các phòng học được trang bị bảng trượt, ti vi, máy tính được bảo dưỡng và bổ sung thiết bị nhằm giúp học sinh và giáo viên gặp nhiều tiện lợi trong công tác dạy và học.

+ Duy trì và phát huy tối đa vai trò thư viện nhằm phát huy văn hóa đọc tại nhà trường, tăng cường vốn sống, vốn hiểu biết cho học sinh. Duy trì chăm sóc cây xanh, cây bóng mát sân trường, xây dựng cảnh quan trường lớp luôn sạch đẹp, thân thiện và an toàn.

2. Thực hiện công tác bồi dưỡng và phát triển đội ngũ

- Đảm bảo đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đủ về số lượng, chuẩn hóa về trình độ đào tạo, đồng bộ về cơ cấu, nâng cao chất lượng theo chuẩn nghề nghiệp. Thực hiện bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục để triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo lộ trình, tổ chức bồi dưỡng cho 100% giáo viên dạy học lớp 5 về các nội dung bồi dưỡng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa lớp 5 cho năm học 2025-2026.

- Bồi dưỡng nâng cao nhận thức, chính trị tư tưởng cho đội ngũ giáo viên. Tổ chức cho giáo viên tham gia học tập đầy đủ và có chất lượng các buổi học tập chính trị và triển khai nghị quyết của cấp trên, tạo điều kiện để giáo viên tham gia bồi dưỡng trung cấp lý luận chính trị. Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên tiểu học theo kế hoạch của ngành, của trường. Tiếp tục triển khai sâu rộng, hiệu quả các cuộc vận động và phong trào thi đua.

- Bồi dưỡng nâng cao năng lực triển khai các nhiệm vụ cho giáo viên đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên tiểu học. Động viên khuyến khích giáo viên tiếp tục học nâng trình độ trên chuẩn, đặc biệt là những giáo viên trẻ.

- Tham gia tích cực các lớp bồi dưỡng thực hiện Chương trình GDPT 2018, chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai hiệu quả công tác tập huấn, bồi dưỡng dành cho cán bộ quản lý và giáo viên tại nhà trường.

- Thực hiện phân công chuyên môn công tâm, khách quan, hợp lý phát huy thế mạnh, sở trường của từng cá nhân; đặt lợi ích của việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị lên trên lợi ích cá nhân.

- Tổ chức tốt các hoạt động, phong trào nhằm bồi dưỡng năng lực chuyên môn, tạo điều kiện để giáo viên được trao đổi học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau về phương pháp giảng dạy và giáo dục học sinh như: lên lớp chuyên đề, viết sáng kiến, thi giáo viên dạy giỏi, giao lưu viết chữ đẹp, thiết kế video bài giảng trực tuyến, bài giảng điện tử, thiết bị dạy học số...

- Tăng cường kiểm tra hồ sơ sổ sách, việc thực hiện quy chế chuyên môn; dự giờ thăm lớp, tư vấn, giúp đỡ kịp thời giáo viên về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phát huy năng lực phẩm chất của học sinh. Đặc biệt quan tâm nhiều hơn đến đội ngũ giáo viên trẻ, còn ít kinh nghiệm trong công tác.

- Phát huy vai trò của giáo viên cốt cán trong các tổ khối, tích cực trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp; nhân rộng các giờ dạy hay để giáo viên toàn trường được học tập.

3. Thực hiện tốt quy chế sinh hoạt chuyên môn

- Chỉ đạo nâng cao hiệu quả sinh hoạt chuyên môn tổ khối theo Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

- Thực hiện sinh hoạt chuyên môn khối tối thiểu 02 lần/ tháng (tuần 2,3), SHCM toàn trường thực hiện vào chiều thứ 4 (tuần 4). (Có thể bổ sung, điều chỉnh Lịch SHCM tùy theo tình hình thực tế).

Nội dung SHCM tập trung chủ yếu vào thống nhất cách dạy dạng bài mới khó, Bài học STEM,... Cách vận dụng các phương pháp dạy học, các Kỹ thuật dạy học đạt hiệu quả.

- Tổ chức các chuyên đề khối, chuyên đề trường theo Kế hoạch chuyên môn đã xây dựng một cách bài bản và hiệu quả. Tích cực tham gia sinh hoạt chuyên môn cụm trường, sinh hoạt chuyên môn cấp quận, cấp thành phố theo Kế hoạch chỉ đạo của các cấp.

4. Tiếp tục thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Thực hiện nội dung dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018; đổi mới phương pháp dạy, phương pháp học. Dạy học thông qua tổ chức các hoạt động học tập, từ đó giúp học sinh tự khám phá những điều chưa biết, chủ động tiếp thu những tri thức, nhằm phát huy năng lực người học.

- Tăng cường sử dụng hiệu quả thiết bị dạy học, tích cực khai thác, sử dụng tư liệu dạy học điện tử, ứng dụng hợp lý công nghệ thông tin phù hợp với nội dung học và đối tượng học sinh.

- Sử dụng hệ thống câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ học tập phù hợp với các đối tượng trong tiến trình dạy học; chú trọng rèn luyện cho học sinh những tri thức phương pháp để học sinh biết cách đọc sách giáo khoa, tự tìm lại những kiến thức đã có, suy luận để tìm tòi, phát hiện kiến thức mới, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết tình huống; chú ý giúp học sinh đảm bảo kiến thức, kỹ năng để đáp ứng yêu cầu học tập.

- Thực hiện dạy học gắn lí thuyết với thực hành; tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tham quan thực tế, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống của học sinh. Lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục trong các môn học/hoạt động giáo dục với giáo dục đạo đức, giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục pháp luật; giáo dục nhận thức về quyền và bổn phận của trẻ em; bình đẳng giới; phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước; phòng chống xâm hại trẻ em; phòng chống HIV/AIDS,...

- Phát triển văn hóa đọc bằng cách khai thác sử dụng thư viện lớp học, thư viện nhà trường, tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả tủ sách “50k” của các lớp.

- Tổ chức hiệu quả Hoạt động trải nghiệm theo quy định tại Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GD-ĐT. Ngoài các tiết hoạt động trải nghiệm hàng tuần theo chương trình, các hoạt động lồng ghép trong các môn học, tăng cường tổ chức hoạt động trải nghiệm dưới hình thức Câu lạc bộ ngoài giờ chính khóa như: giải Toán bằng Tiếng Anh, Bóng bàn, Đá cầu, Cờ vua, Sơn ca, Mĩ thuật, Múa nghệ thuật...

5. Thực hiện đổi mới, linh hoạt việc kiểm tra đánh giá học sinh

- Thực hiện đánh giá học sinh theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 4 tháng 9 năm 2020. Cần chú ý đến việc đánh giá 5 phẩm chất – các năng lực cốt lõi (3 năng lực chung và 7 năng lực đặc thù). Chú ý đến đánh giá mức độ hoàn thành bài học, môn học. Đảm bảo việc đánh giá thường xuyên với việc đánh giá định kỳ. Trong kiểm tra đánh giá chú ý đến mức độ hoàn thành bài học đối với tất cả học sinh. Đánh giá qua các hoạt động trên lớp; đánh giá bằng hồ sơ học tập; vở học tập; đánh giá qua việc quan sát, hỏi đáp và viết.

- Tạo cơ hội cho học sinh được đánh giá bạn và đánh giá bản thân trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.

- Chú ý mức độ đề kiểm tra đảm bảo vừa sức, tránh áp lực cho học sinh trong điều kiện các em phải học tích hợp nhiều bài, nhiều kiến thức trong cùng một lúc nhưng vẫn phải đảm bảo phân loại đối tượng học sinh.

6. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục tiểu học

- Nâng cao hiệu quả công tác truyền thông về tổ chức thực hiện CTGDPT 2018, chủ động tham mưu, đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục và đào tạo, tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức và hành động, sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới giáo dục và đào tạo.

- Tổ chức và định hướng truyền thông, tuyên truyền các chủ trương, chính sách mới về giáo dục và đào tạo; Tiếp tục tăng cường truyền thông nội bộ, bảo đảm các chủ trương đổi mới, quy định của Ngành đến được từng cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.

- Khuyến khích các tổ chuyên môn, giáo viên viết bài và đưa tin về các hoạt động của tổ chuyên môn, việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của tổ.... để tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

7. Tổ chức các hoạt động giáo dục theo nhu cầu của người học

- Nhà trường dự kiến tổ chức các hoạt động giáo dục để đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh trên cơ sở tự nguyện, thống nhất của phụ huynh, học sinh.

STT	Hoạt động giáo dục tổ chức (dự kiến)	Đơn vị liên kết	Thời lượng
1	Tiếng Anh tăng cường với giáo viên nước ngoài	Trung tâm ngoại ngữ E-Connec Hải Phòng	4 tiết/tháng
2	Giáo dục Kỹ năng sống	Trung tâm Kỹ năng sống	4 tiết/tháng

3	Giáo dục Kỹ năng Công dân số	Trung tâm giáo dục kỹ năng công dân số KDC Hải Phòng	4 tiết/tháng
4	Giáo dục STEM và ROBOTICS	Công ty Cổ phần	4 tiết/tháng
5	Hoạt động bán trú	Công ty Chế biến và cung cấp thực phẩm Hoa phượng	Tính theo số ngày học thực tế
6	Quản lý HS ngoài giờ học chính thức		1 giờ/ ngày

8. Nâng cao hiệu quả hoạt động của thư viện trường học

- Triển khai hiệu quả, thiết thực các hoạt động thư viện, hoạt động khuyến đọc; sắp xếp bố trí nhân viên thư viện đúng chuyên môn làm công tác thiết lập và vận hành thư viện; tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên và nhân viên thư viện về công tác tổ chức hoạt động đọc cho học sinh; xây dựng thời khóa biểu dành cho tiết đọc thư viện và tiết học thư viện theo quy định; đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật, học liệu và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và tổ chức hoạt động thư viện, đặc biệt là phát triển thư viện số, thư viện trực tuyến; huy động sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng trong quá trình tổ chức hoạt động nhằm góp phần xây dựng văn hóa đọc trong nhà trường và cộng đồng.

- Triển khai hiệu quả các văn bản¹ hướng dẫn của Bộ GDĐT nhằm tiếp tục củng cố, đổi mới và nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động thư viện trong các trường tiểu học, trong đó bảo đảm thư viện lưu trữ sách giáo khoa để sử dụng lâu dài và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công nhiệm vụ

1.1. Đối với Hiệu trưởng (đ/c Đỗ Thị Ngân)

- Trực tiếp xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường và triển khai thực hiện Kế hoạch tới 100% thành viên Hội đồng, chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường.

¹ Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022, Công văn số 430/BGDĐT-GDTH ngày 30/01/2019 nhằm hình thành thói quen đọc sách, phát triển năng lực, phẩm chất và tăng cường ngôn ngữ tiếng Việt cho học sinh tiểu học; Công văn số 5750/BGDĐT-GDTH ngày 31/12/2020 về việc tổ chức các hoạt động thư viện trong trường tiểu học từ năm học 2020 – 2021.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền về thực hiện chương trình GDPT 2018; Thực hiện nhiệm vụ về xây dựng CSVN, bổ sung trang thiết bị dạy học.

- Xây dựng Kế hoạch tổ chức dạy các môn tự chọn, ký hợp đồng liên kết với các đơn vị liên kết trong việc giảng dạy Tiếng Anh, kỹ năng sống....

- Xây dựng triển khai Kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục. Tổ chức các hoạt động Hội thi, Hội giảng trong năm học. Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường.

- Ban hành Quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn.

- Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và các hoạt động giáo dục.

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch của các tổ chuyên môn, đoàn thể trong nhà trường theo kế hoạch.

- Tham gia giảng dạy theo đúng quy định của Thông tư 16/2017/TT-BGD&ĐT quy định về định mức giảng dạy đối với CBQL.

1. 2. Đối với Phó Hiệu trưởng

1.2.1. Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn (đ/c Bùi Văn Găng)

- Tham mưu với Hiệu trưởng xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường, Kế hoạch kiểm tra nội bộ, các Kế hoạch công tác khác.

- Trực tiếp tập huấn, chỉ đạo các tổ khối chuyên môn xây dựng Kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, Kế hoạch sinh hoạt chuyên môn, Kế hoạch bài dạy, các nội dung về chuyên môn.

- Phê duyệt Kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, Kế hoạch sinh hoạt chuyên môn các khối lớp.

- Xây dựng thời khóa biểu đảm bảo theo đúng số tiết của từng khối lớp và phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

- Xây dựng các Kế hoạch, quản lý chỉ đạo, kiểm tra giám sát các hoạt động chuyên môn và các hoạt động khác theo sự phân công của Hiệu trưởng.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức các chuyên đề, hội thảo cấp trường về dạy học các môn học các khối lớp theo CT GDPT 2018.

- Dự giờ thăm lớp; tư vấn, giúp đỡ giáo viên nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch của các tổ chuyên môn, đoàn thể trong nhà trường theo kế hoạch.

- Tham gia giảng dạy theo đúng quy định của Thông tư 16/2017/TT-BGD&ĐT quy định về định mức giảng dạy đối với CBQL.

1.2.2. Phó Hiệu trưởng phụ trách GDNGLL (đ/c Nguyễn Thị Ngân)

- Tham mưu với Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch kiểm tra nội bộ, các kế hoạch công tác khác.

- Phối hợp với đ/c PHT phụ trách chuyên môn chỉ đạo tổ chuyên môn khối 1 nâng cao chất lượng đại trà, giảm tỉ lệ phần trăm không hoàn thành chương trình lớp 1.

- Tham mưu với Hiệu trưởng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động GDNGL; chủ động xây dựng Kế hoạch hoạt động ngoài giờ lên lớp và Kế hoạch chỉ đạo các hoạt động khác theo sự phân công của Hiệu trưởng.

- Dự giờ thăm lớp; tư vấn, giúp đỡ giáo viên nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch của các tổ chuyên môn, đoàn thể trong nhà trường theo kế hoạch.

- Tham gia giảng dạy theo đúng quy định của Thông tư 16/2017/TT-BGD&ĐT quy định về định mức giảng dạy đối với CBQL.

1.3. Đối với Tổ, khối trưởng chuyên môn

- Xây dựng Kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục; Kế hoạch chuyên môn. Trình BGH phê duyệt các Kế hoạch theo quy định.

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc theo Kế hoạch được phê duyệt.

- Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn theo đúng quy định. Xây dựng nội dung SHCM đa dạng, phong phú, thiết thực và hiệu quả, bám sát các văn bản chỉ đạo của các cấp.

- Thực hiện công tác thăm lớp dự giờ, góp ý rút kinh nghiệm các giờ dạy và thực hiện bồi dưỡng giáo viên của tổ.

- Thực hiện công tác kiểm tra đánh giá các hoạt động chuyên môn theo sự phân công.

- Tổng hợp báo cáo chất lượng giáo dục của tổ theo kế hoạch. Chịu trách nhiệm về chất lượng đội ngũ, chất lượng học sinh của khối.

1.4. Đối với Tổng phụ trách Đội

- Kết hợp với các bộ phận tham mưu xây dựng Kế hoạch và tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm.

- Phối hợp chặt chẽ với giáo viên chủ nhiệm, các lực lượng giáo dục khác tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm cho học sinh tại nhà trường.

- Thành lập các Ban của Liên đội để thúc đẩy mọi hoạt động của nhà trường.
- Xây dựng tiêu chí thi đua của Liên đội.
- Làm tốt công tác kiểm tra, đánh giá, tổng kết các hoạt động về nề nếp, hoạt động ngoại khóa của học sinh toàn trường theo kế hoạch.

1.5. Đối với giáo viên chủ nhiệm

- Chủ động nắm bắt thông tin từng học sinh của lớp được phân công làm công tác chủ nhiệm; Xây dựng các hoạt động giáo dục của lớp thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục đảm bảo tính khả thi, phù hợp với đặc điểm học sinh, với hoàn cảnh và điều kiện thực tế nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của cả lớp và của từng học sinh.
- Thực hiện các hoạt động giáo dục theo Kế hoạch đã xây dựng và được Hiệu trưởng phê duyệt.
- Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ, giáo viên, tổng phụ trách Đội, các tổ chức xã hội có liên quan để tổ chức các hoạt động giáo dục và hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện của học sinh lớp mình chủ nhiệm;
- Tổng hợp nhận xét, đánh giá học sinh cuối kỳ I và cuối năm học; hướng dẫn học sinh bình bầu và đề nghị khen thưởng; lập danh sách học sinh đề nghị ở lại lớp; hoàn chỉnh việc ghi học bạ cho học sinh. Báo cáo thường kì hoặc đột xuất về tình hình của lớp với Hiệu trưởng.
- Thực hiện tự đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên; tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp; thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng thường xuyên giáo viên theo quy định; trao đổi chia sẻ chuyên môn cùng đồng nghiệp trong và ngoài nhà trường thông qua các đợt sinh hoạt chuyên môn, tập huấn.
- Tích cực Ứng dụng công nghệ thông tin và Chuyển đổi số trong giảng dạy, học tập và sinh hoạt chuyên môn; Sáng tạo, linh hoạt trong việc tự làm đồ dùng dạy học.

1.6. Đối với giáo viên bộ môn

- Quản lý, tổ chức thực hiện Kế hoạch giáo dục khi được Hiệu trưởng phân công.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và theo sự phân công của Hiệu trưởng. Thực hiện nghiêm túc mọi quy chế chuyên môn. Chịu trách nhiệm chất lượng của lớp, môn giảng dạy.
- Tích cực tự trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ. Tham gia đầy đủ các buổi chuyên đề do các cấp tổ chức.
- Phối hợp với GVCN, tổng phụ trách đội tổ chức, triển khai các hoạt động tập thể, hoạt động ngoại khóa...

- Phối kết hợp chặt chẽ với GVCN trong công tác quản lý, giáo dục học sinh. Kịp thời đề xuất những nội dung cần thiết, liên quan đến việc tổ chức dạy học và các hoạt động khác với nhà trường để mang lại hiệu quả tốt nhất cho đơn vị.

- Thực hiện tốt Kế hoạch Dạy học các môn học và HĐGD đã xây dựng và được BGH phê duyệt.

1.7. Đối với nhân viên

1.7.1. Nhân viên Thư viện, Thiết bị

- Quản lý mọi hoạt động của thư viện, thiết bị.

- Xây dựng các Kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị dạy học. Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động đọc sách. Theo dõi việc sử dụng ĐDDH, SGK của giáo viên.

- Tham mưu với Ban giám hiệu về Kế hoạch tổ chức “Ngày hội đọc sách, ngày Pháp luật; xây dựng kế hoạch và triển khai Thư viện 50k” với tất cả các lớp theo văn bản chỉ đạo của các cấp.

1.7.2. Nhân viên khác

- Xây dựng Kế hoạch cá nhân, triển khai, thực hiện nhiệm vụ của bản thân theo sự phân công của Hiệu trưởng; chấp hành nghiêm túc nội quy, quy chế làm việc của nhà trường.

- Phối kết hợp chặt chẽ với các giáo viên trong nhà trường trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

2. Công tác kiểm tra, giám sát

- Kiểm tra chuyên môn: Theo Kế hoạch tháng, có kiểm tra đột xuất.

- Kiểm tra sư phạm nhà giáo kết hợp với đánh giá giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học: Thực hiện hàng tháng.

- Thực hiện xuyên suốt trong cả năm học.

- Kiểm tra chuyên đề: Theo Kế hoạch tháng.

- Kiểm tra các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp: Theo Kế hoạch tháng.

- Kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch giáo dục nhà trường thông qua việc kiểm tra nội bộ, kiểm tra sinh hoạt chuyên môn tổ khối.

- Thông qua kiểm tra, giám sát, nhắc nhở giáo viên điều chỉnh kịp thời, linh hoạt việc thực hiện Kế hoạch thực hiện các môn học và hoạt động giáo dục của tổ khối.

3. Chế độ báo cáo

3.1. Nhà trường

- Hàng tháng, bộ phận chuyên môn tổng kết công tác tháng và lập Kế hoạch cho tháng tới; Sơ kết từng học kỳ; Tổng kết chuyên môn;

- Báo cáo theo yêu cầu của các cấp.

3.2. Các tổ khối

- Báo cáo các nội dung liên quan theo yêu cầu của nhà trường đúng quy định.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường của trường tiểu học Kiên Thiết năm học 2025- 2026. Yêu cầu tất cả các cán bộ, giáo viên, nhân viên nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND xã Tân Minh (để báo cáo);
- Phòng VHXXH xã Tân Minh (để báo cáo)
- BGH (để chỉ đạo và tổ chức t/h);
- Các khối chuyên môn (để t/h);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Thị Ngân

Phụ lục 1.1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục (Kèm kế hoạch số 25 /KHGD-THKT ngày 30/8/2025)

TT	Môn học/HĐGD	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
1. Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc																
1	Tiếng Việt	415	216	199	343	178	165	240	124	116	238	122	116	238	122	116
2	Toán	103	53	50	173	90	83	173	90	83	174	90	84	174	90	84
3	Đạo đức	34	18	16	35	18	17	35	18	17	32	16	16	32	16	16
4	GDTC	67	34	33	68	36	32	69	36	33	67	34	33	67	34	33
5	Âm nhạc	34	18	16	32	16	16	35	18	17	32	16	16	32	16	16
6	Mĩ thuật	34	18	16	35	18	17	34	18	16	34	18	16	34	18	16
7	TNXH	70	36	34	70	36	34	67	34	33						
8	Khoa học										68	36	32	68	36	32
9	LS&ĐL										70	36	34	70	36	34
10	HĐTN	100	52	48	103	54	49	100	52	48	103	54	49	103	54	49
11	Công nghệ							35	18	17	34	18	16	34	18	16
12	Tin học							34	18	16	34	18	16	34	18	16
13	Tiếng Anh							138	72	66	138	72	66	138	72	66
2. Môn tự chọn																

TT	Môn học/HĐGD	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
1	Tiếng Anh	69	36	33	67	34	33									
3. Hoạt động củng cố, tăng cường																
1	TC Toán	32	16	16	32	16	16	64	32	32	32	16	16	32	16	16
2	TC Tiếng Việt	131	66	65	130	66	64	64	32	32	32	16	16	32	16	16
TỔNG		1088	562	526	1088	562	526	1088	562	526	1088	562	526	1088	562	526

Phụ lục 1.2. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

Tháng	Chủ điểm	Nội dung hoạt động	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
9/2025	<i>Truyền thông nhà trường</i>	Khai giảng năm học 2025-2026	- Toàn trường	7h20' ngày 5/9/2025	TPT	BGH, CBGVNV toàn trường
		- Tuyên truyền phòng chống đuối nước	- Toàn trường	Chiều 30/9 (tiết 4)	TPT	BĐD CMHS, GV toàn trường
10/2025	<i>Chăm ngoan học giỏi</i>	- Tổ chức Vui Tết Trung thu	- Theo lớp, toàn trường	Sáng 03/10 (tiết 4)	TPT, GVCN	CMHS
		Tuyên truyền ATGT	- Toàn trường	Chiều 17/10 (sau giờ chính khóa)	Công an xã Tân Minh, TPT.	BĐD CMHS, GV toàn trường

11+12/2025	Tôn sư trọng đạo+ Uống nước nhớ nguồn	Văn nghệ chào mừng 20/11	- Theo lớp	Chiều 19/11(Tiết 4)	BGH, TPT, GV toàn trường	BĐĐ CMHS
		- Lễ Khai mạc HKPD	- Toàn trường	Chiều 19/12 (tiết 4)	BGH, TPT, GV toàn trường	BĐĐ CMHS
01+2/2026	Mừng Đảng Mừng Xuân	- Tổ chức chương trình Xuân yêu thương, tặng quà cho HS có HCKK	- Toàn trường	Tuần 4 tháng 1	BGH, TPT, GVCN	BĐĐCMHS các lớp
3/2026	Tiến bước lên đoàn	- Ngày hội <i>Thiếu nhi vui khỏe – Tiến bước lên Đoàn</i>	- Toàn trường	Chiều 14/3 (tiết 2, 3)	BGH, TPT, GV	BĐĐCMHS
		Hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường	- PH tự nguyện đăng ký	Ngày 15/3/2026 (Chủ nhật)	BGH, TPT, GVCN	PHHS
4+5/2026	Hòa bình Hữu nghị+ Kính yêu	- Tổ chức Ngày hội đọc sách	- Theo lớp, toàn trường	Tuần 2 tháng 4 (Giờ ra chơi)	BGH, TPT, NV Thư viện	GVCN
		- Đại hội Châu ngoan Bác Hồ	- Toàn trường	Sáng 12/4	BGH, TPT, GV toàn trường	BĐĐCMHS

	<i>Bác Hồ</i>				
--	---------------	--	--	--	--

Phụ lục 1.3. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học

STT	Nội dung - Hoạt động	Đối tượng/Quy mô	Thời gian	Địa điểm
1	<i>Ăn bán trú</i> - Ăn trưa, nghỉ trưa. - Đọc sách, truyện tại thư viện 50k trong lớp	HS từ lớp 1 đến lớp 5	10h30-13h20' hàng ngày	Phòng học,
2	<i>Quản lý HS sau giờ học chính khóa</i> - Đọc sách, rèn kỹ năng sống cho học sinh thông qua tổ chức các hoạt động...	HS có nhu cầu	15h50'-16h30' hàng ngày	Tại các lớp học.
3	<i>Các CLB năng khiếu</i>			
3.1	Cờ vua	HS có nhu cầu	17h-18h 30 chiều thứ 2	Phòng học lớp 1A7
3.2	Bóng bàn	HS có nhu cầu	17h30-18h30 chiều thứ 2,4	Nhà đa năng
3.3	Đá cầu	HS có nhu cầu	17h-18h chiều thứ 3,5	Nhà đa năng
3.4	Bóng đá	HS có nhu cầu	17h30-18h30 chiều thứ 3,5	Sân trường

PHỤ LỤC 1.4.

Thời gian tổ chức các hoạt động theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần năm học 2025-2026.

1.4.1. Đối với khối 1

a) Thời gian tổ chức các hoạt động theo tuần/tháng trong năm học.

HỌC KÌ I**TUẦN 1,2,3,4,5, 6,7, 8, 9, 10, 11,12,13,14,15, 16, 18**

Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	Điều chỉnh kế hoạch tuần
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL			Không điều chỉnh
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	SHCM KHÔI	LL	LL	LL	LL			
	6		LL	LL	LL	LL			
	7		LL	LL	LL	LL			

TUẦN 11

Buổi	Tiết học	17/11/2025	18/11/2025	19/11/2025	20/11/2025	21/11/2025	22/11/2025	23/11/2025	Điều chỉnh kế hoạch Tuần
		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
Sáng	1	LL	LL	LL	Kỉ niệm ngày NGVN 20-11	LL			Các tiết Toán, TV của ngày nghỉ dạy vào tiết bổ sung T-TV; các tiết
	2	LL	LL	LL		LL			
	3	LL	LL	LL		LL			
	4	LL	LL	LL		LL			

Chiều	5	SHCM	LL	LL		LL			còn lại nghiên cứu chương trình dạy tích hợp, lồng ghép.
	6		LL	LL		LL			
	7		LL	LL		LL			

TUẦN 17									
Buổi	Tiết học	29/12/2025	30/12/2025	31/12/2025	1/1/2026	2/1/2026	3/1/2026	4/1/2026	Điều chỉnh kế hoạch Tuần
		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
Sáng	1	LL	LL	LL	<i>Nghỉ Tết Dương lịch</i>	LL			Các tiết Toán, TV của ngày nghỉ dạy vào tiết bổ sung T-TV; các tiết còn lại nghiên cứu chương trình dạy tích hợp, lồng ghép.
	2	LL	LL	LL		LL			
	3	LL	LL	LL		LL			
	4	LL	LL	LL		LL			
Chiều	5	SHCM	LL	LL		LL			
	6		LL	LL		LL			
	7		LL	LL		LL			

HỌC KÌ II

TUẦN 19-32; 34, 35									
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	Điều chỉnh kế hoạch tuần
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL			Không điều chỉnh
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	SHCM	LL	LL	LL	LL			
	6		LL	LL	LL	LL			

Tiếng Việt	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	216
Toán	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3	53
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
TNXH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2	3	3	3	3	3	2	3	52
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	1	2	34
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	22	25	25	25	25	25	22	25	444
Tiếng Anh	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
TC Toán	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1	0	1	16
TC Tiếng Việt	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	1	4	4	4	4	4	1	4	66
Tổng số tiết/ tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	25	32	32	32	32	32	25	32	562

HỌC KỲ II																		
MÔN/ TUẦN	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng thời lượng
Tiếng Việt	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	7	12	12	199
Toán	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2	3	3	50
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	16
TNXH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	16
Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	16
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	3	3	48
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	33
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	9	25	25	409
Tiếng Anh	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	33
TC Toán	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	16
TC Tiếng Việt	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	1	4	4	65
Tổng số tiết/ tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	14	32	32	526

1.4.2. Đối với khối 2

a) Thời gian tổ chức các hoạt động theo tuần/tháng trong năm học.

HỌC KÌ I

TUẦN 1,2,3,4,5, 6,7, 8, 9, 10, 11,12,13,14,15, 16, 18

Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	Điều chỉnh kế hoạch tuần
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL			Không điều chỉnh
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	SHCM	LL	LL	LL	LL			
	6		LL	LL	LL	LL			
	7		LL	LL	LL	LL			

TUẦN 11

Buổi	Tiết học	17/11/2025	18/11/2025	19/11/2025	20/11/2025	21/11/2025	22/11/2025	23/11/2025	Điều chỉnh kế hoạch Tuần
		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
Sáng	1	LL	LL	LL	Kỷ niệm ngày NGVN 20-11	LL			Các tiết Toán, TV của ngày nghỉ dạy vào tiết bổ sung T-TV; các tiết
	2	LL	LL	LL		LL			
	3	LL	LL	LL		LL			

Chiều	4	LL	LL	LL		LL			còn lại nghiên cứu chương trình dạy tích hợp, lồng ghép.
	5	SHCM	LL	LL		LL			
	6		LL	LL		LL			
	7		LL	LL		LL			

TUẦN 17

Buổi	Tiết học	29/12/2025	30/12/2025	31/12/2025	1/1/2026	2/1/2026	3/1/2026	4/1/2026	Điều chỉnh kế hoạch Tuần
		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
Sáng	1	LL	LL	LL	<i>Nghỉ Tết Dương lịch</i>	LL			Các tiết Toán, TV của ngày nghỉ dạy vào tiết bổ sung T-TV; các tiết còn lại nghiên cứu chương trình dạy tích hợp, lồng ghép.
	2	LL	LL	LL		LL			
	3	LL	LL	LL		LL			
	4	LL	LL	LL		LL			
Chiều	5	SHCM	LL	LL		LL			
	6		LL	LL		LL			
	7		LL	LL		LL			

HỌC KÌ II

TUẦN 19 ->32; 34,35

Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	Điều chỉnh kế hoạch tuần
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			

	3	LL	LL	LL	LL	LL			Không điều chỉnh
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	SHCM	LL	LL	LL	LL			
	6		LL	LL	LL	LL			
	7		LL	LL	LL	LL			

TUẦN 33									
Buổi	Tiết học	27/4/2026	28/4/2026	29/4/2026	30/4/2026	1/5/2026	2/5/2026	3/5/2026	Điều chỉnh kế hoạch Tuần
		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
Sáng	1	Nghỉ bù giờ Tổ Hùng Vương (26/4/2026)	LL	LL	Nghỉ lễ 30/4	Nghỉ lễ 01/5			<i>Các tiết Toán, TV của ngày nghỉ dạy vào tiết bổ sung T-TV; các tiết còn lại nghiên cứu chương trình dạy tích hợp, lồng ghép.</i>
	2		LL	LL					
	3		LL	LL					
	4		LL	LL					
Chiều	5		LL	LL					
	6		LL	LL					
	7		LL	LL					

c) Số lượng tiết học các môn học và hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần

HOC KÌ I																			
MÔN/ TUẦN	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng thời lượng
Tiếng Việt	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	9	10	10	10	10	10	9	10	178

Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	90
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
TNXH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1	0	1	16
Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	23	25	25	25	25	25	23	25	446
Tiếng Anh	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	1	2	34
TC Toán	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1	0	1	16
TC Tiếng Việt	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	1	4	4	4	4	4	1	4	66
Tổng số tiết/ tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	25	32	32	32	32	32	25	32	562

HỌC KỲ II																		
MÔN/ TUẦN	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng thời lượng
Tiếng Việt	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	5	10	10	165

Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	3	5	5	83
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
TNXH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	16
Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	1	3	3	49
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	2	2	32
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	13	25	25	413
Tiếng Anh	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	33
TC Toán	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	16
TC Tiếng Việt	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	0	4	4	64
Tổng số tiết/ tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	14	32	32	526

1.4.3. Đối với khối 3

a) Thời gian tổ chức các hoạt động theo tuần/tháng trong năm học.

HỌC KÌ I

TUẦN 1,2,3,4,5, 6,7, 8, 9, 10, 11,12,13,14,15, 16, 18

Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	Điều chỉnh kế hoạch tuần
------	------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	----------	--------------------------

Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL			Không điều chỉnh
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	SHCM	LL	LL	LL	LL			
	6		LL	LL	LL	LL			
	7		LL	LL	LL	LL			

TUẦN 11

Buổi	Tiết học	17/11/2025	18/11/2025	19/11/2025	20/11/2025	21/11/2025	22/11/2025	23/11/2025	Điều chỉnh kế hoạch Tuần
		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
Sáng	1	LL	LL	LL	Kỉ niệm ngày NGVN 20-11	LL			Các tiết Toán, TV của ngày nghỉ dạy vào tiết bổ sung T-TV; các tiết còn lại nghiên cứu chương trình dạy tích hợp, lồng ghép.
	2	LL	LL	LL		LL			
	3	LL	LL	LL		LL			
	4	LL	LL	LL		LL			
Chiều	5	SHCM	LL	LL		LL			
	6		LL	LL		LL			
	7		LL	LL		LL			

TUẦN 17

Buổi	Tiết học	29/12/2025	30/12/2025	31/12/2025	1/1/2026	2/1/2026	3/1/2026	4/1/2026	Điều chỉnh kế hoạch Tuần
		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
	1	LL	LL	LL	Nghỉ Tết Dương lịch	LL			Các tiết Toán, TV của ngày nghỉ dạy vào tiết
	2	LL	LL	LL		LL			

Sáng	3	LL	LL	LL		LL			bổ sung T-TV; các tiết còn lại nghiên cứu chương trình dạy tích hợp, lồng ghép.
	4	LL	LL	LL		LL			
Chiều	5	SHCM	LL	LL		LL			
	6		LL	LL		LL			
	7		LL	LL		LL			

HỌC KÌ II

TUẦN 19 ->32; 34,35

Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	Điều chỉnh kế hoạch tuần
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL			Không điều chỉnh
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	SHCM	LL	LL	LL	LL			
	6		LL	LL	LL	LL			
	7		LL	LL	LL	LL			

TUẦN 33

Buổi	Tiết học	27/4/2026	28/4/2026	29/4/2026	30/4/2026	1/5/2026	2/5/2026	3/5/2026	Điều chỉnh kế hoạch Tuần
		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
	1	Nghỉ bù giờ Tổ Hùng Vương	LL	LL	Nghỉ lễ 30/4	Nghỉ lễ 01/5			Các tiết Toán, TV của ngày nghỉ dạy vào tiết
	2		LL	LL					

Tổng số tiết bắt buộc/tuần	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	25	28	28	28	28	28	25	28	498
TC Toán	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	2	2	2	2	2	0	2	32
TC Tiếng Việt	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	2	2	2	2	2	0	2	32
Tổng số tiết/ tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	25	32	32	32	32	32	25	32	562

HOC KÌ II																			
MÔN/ TUẦN	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng thời lượng	
Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	4	7	7	116	
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	3	5	5	83	
Tiếng Anh	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	2	4	4	66	
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17	
Tự nhiên-Xã hội	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	33	
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	16	
Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17	
Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17	
Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	16	
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	3	3	48	
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	33	
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	14	28	28	462
TC Toán	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	2	2	32	
TC Tiếng Việt	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	2	2	32	

	Tiết học								
Sáng	1	LL	LL	LL	Kỷ niệm ngày NGVN 20-11	LL			Các tiết Toán, TV của ngày nghỉ dạy vào tiết bổ sung T-TV; các tiết còn lại nghiên cứu chương trình dạy tích hợp, lồng ghép.
	2	LL	LL	LL		LL			
	3	LL	LL	LL		LL			
	4	LL	LL	LL		LL			
Chiều	5	SHCM	LL	LL		LL			
	6		LL	LL		LL			
	7		LL	LL		LL			

TUẦN 17

Buổi	Tiết học	29/12/2025	30/12/2025	31/12/2025	1/1/2026	2/1/2026	3/1/2026	4/1/2026	Điều chỉnh kế hoạch Tuần
		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
Sáng	1	LL	LL	LL	Nghỉ Tết Dương lịch	LL			Các tiết Toán, TV của ngày nghỉ dạy vào tiết bổ sung T-TV; các tiết còn lại nghiên cứu chương trình dạy tích hợp, lồng ghép.
	2	LL	LL	LL		LL			
	3	LL	LL	LL		LL			
	4	LL	LL	LL		LL			
Chiều	5	SHCM	LL	LL		LL			
	6		LL	LL		LL			
	7		LL	LL		LL			

HỌC KÌ II

TUẦN 19 ->32; 34,35

Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	Điều chỉnh kế hoạch tuần
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL			Không điều chỉnh
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	SHCM	LL	LL	LL	LL			
	6		LL	LL	LL	LL			
	7		LL	LL	LL	LL			

TUẦN 33									
Buổi	Tiết học	27/4/2026	28/4/2026	29/4/2026	30/4/2026	1/5/2026	2/5/2026	3/5/2026	Điều chỉnh kế hoạch Tuần
		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
Sáng	1	Nghỉ bù giỗ Tổ Hùng Vương (26/4/2026)	LL	LL	Nghỉ lễ 30/4	Nghỉ lễ 01/5			<i>Các tiết Toán, TV của ngày nghỉ dạy vào tiết bổ sung T-TV; các tiết còn lại nghiên cứu chương trình dạy tích hợp, lồng ghép.</i>
	2		LL	LL					
	3		LL	LL					
	4		LL	LL					
Chiều	5		LL	LL					
	6		LL	LL					
	7		LL	LL					

b) Số lượng tiết học các môn học và hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần

HOC KÌ I																			
MÔN/ TUẦN	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng thời lượng
Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	5	7	7	7	7	7	5	7	122

Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	90
Tiếng Anh	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1	0	1	16	
Lịch sử và Địa lý	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36	
Khoa học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36	
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	
Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	
Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1	0	1	16	
Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18	
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54	
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	1	2	34	
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	25	30	30	30	30	30	25	30	530	
TC Toán	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1	0	1	16	
TC Tiếng Việt	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1	0	1	16	
Tổng số tiết/ tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	25	32	32	32	32	32	25	32	562	

HOC KÌ II																		
MÔN/ TUẦN	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng thời lượng
Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	4	7	7	116
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	5	84
Tiếng Anh	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	2	4	4	66
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	16
Lịch sử và Địa lý	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Khoa học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	2	2	32
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	16
Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	16

Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	16
Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	16
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	1	3	3	49
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	33
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	14	30	30	494
TC Toán	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	16
TC Tiếng Việt	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	16
Tổng số tiết/ tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	14	32	32	526

1.4.5. Đối với khối 5

a) Thời gian tổ chức các hoạt động theo tuần/tháng trong năm học.

HỌC KÌ I

TUẦN 1,2,3,4,5, 6,7, 8, 9, 10, 11,12,13,14,15, 16, 18

Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	Điều chỉnh kế hoạch tuần
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL			Không điều chỉnh
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	SHCM	LL	LL	LL	LL			
	6		LL	LL	LL	LL			
	7		LL	LL	LL	LL			

TUẦN 11

Buổi	Tiết học	17/11/2025	18/11/2025	19/11/2025	20/11/2025	21/11/2025	22/11/2025	23/11/2025	Điều chỉnh kế hoạch Tuần
		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
Sáng	1	LL	LL	LL	Kỷ niệm ngày NGVN 20-11	LL			Các tiết Toán, TV của ngày nghỉ dạy vào tiết bổ sung T-TV; các tiết còn lại nghiên cứu chương trình dạy tích hợp, lồng ghép.
	2	LL	LL	LL		LL			
	3	LL	LL	LL		LL			
	4	LL	LL	LL		LL			
Chiều	5	SHCM	LL	LL		LL			
	6		LL	LL		LL			
	7		LL	LL		LL			

TUẦN 17

Buổi	Tiết học	29/12/2025	30/12/2025	31/12/2025	1/1/2026	2/1/2026	3/1/2026	4/1/2026	Điều chỉnh kế hoạch Tuần
		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
Sáng	1	LL	LL	LL	Nghỉ Tết Đương lịch	LL			Các tiết Toán, TV của ngày nghỉ dạy vào tiết bổ sung T-TV; các tiết còn lại nghiên cứu chương trình dạy tích hợp, lồng ghép.
	2	LL	LL	LL		LL			
	3	LL	LL	LL		LL			
	4	LL	LL	LL		LL			
Chiều	5	SHCM	LL	LL		LL			
	6		LL	LL		LL			
	7		LL	LL		LL			

HỌC KÌ II

TUẦN 19 ->32; 34,35

Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	Điều chỉnh kế hoạch tuần
Sáng	1	LL	LL	LL	LL	LL			

Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	1	1	0	1	16
Lịch sử và Địa lý	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Khoa học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1	0	1	16
Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	1	2	34
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	25	30	30	30	30	30	25	30	530
TC Toán	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1	0	1	16
TC Tiếng Việt	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	1	1	1	0	1	16
Tổng số tiết/ tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	25	32	32	32	32	32	25	32	562

HOC KÌ II																		
MÔN/ TUẦN	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng thời lượng
Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	4	7	7	116
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	5	84
Tiếng Anh	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	2	4	4	66
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	16
Lịch sử và Địa lý	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Khoa học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	2	2	32
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	16
Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	16
Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	16

Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	16
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	1	3	3	49
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	33
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	14	30	30	494
TC Toán	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	16
TC Tiếng Việt	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	16
Tổng số tiết/ tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	14	32	32	526